

Số: 54/QĐ-BVTT

TX Phú Thọ, ngày 05 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của Bệnh viện Tâm thần Phú Thọ.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN TÂM THẦN PHÚ THỌ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý;

Căn cứ Quyết định số: 2656/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 06/STC-TCHCSN ngày 03/01/2024 về việc Thông báo số cấp phát dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Bệnh viện Tâm thần Phú Thọ (theo biểu đính kèm)

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở cơ quan, đăng tải trên website bệnh viện.

Thời gian công khai: Từ 05/01/2024 đến 06/02/2024.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và các khoa, phòng liên quan thuộc Bệnh viện Tâm thần Phú Thọ thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Phú Thọ: Báo cáo;
- Ban giám đốc;
- Các khoa, phòng;
- Lưu :VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Lê Tiến Mạnh

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Bệnh viện Tâm thần Phú Thọ

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 54/QĐ- BVTT ngày 05/01/2024 của Giám đốc BV Tâm thần Phú Thọ)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	36.260
1	Lệ phí	-
2	Khác	36.260
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	36.260
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
2	Chi quản lý hành chính	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.420
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.420
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	10.420
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.270
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.150
5	Chi bảo đảm xã hội	-
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
6	Chi hoạt động kinh tế	-
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
II	Nguồn vốn viện trợ	-
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Dự án A	-
1.2	Dự án B	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-
2.1	Dự án A	-
2.2	Dự án B	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
3.1	Dự án A	-
3.2	Dự án B	-
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-
4.1	Dự án A	-
4.2	Dự án B	-
5	Chi bảo đảm xã hội	-
5.1	Dự án A	-
2.2	Dự án B	-
6	Chi hoạt động kinh tế	-
6.1	Dự án A	-
6.2	Dự án B	-
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
7.1	Dự án A	-
7.2	Dự án B	-
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
8.1	Dự án A	-
8.2	Dự án B	-
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
9.1	Dự án A	-
9.2	Dự án B	-
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-
10.1	Dự án A	-
10.2	Dự án B	-
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Dự án A	-
1.2	Dự án B	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-
2.1	Dự án A	-
2.2	Dự án B	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
3.1	Dự án A	-
3.2	Dự án B	-
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-
4.1	Dự án A	-
4.2	Dự án B	-
5	Chi bảo đảm xã hội	-
5.1	Dự án A	-
2.2	Dự án B	-
6	Chi hoạt động kinh tế	-
6.1	Dự án A	-
6.2	Dự án B	-
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
7.1	Dự án A	-
7.2	Dự án B	-
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-
8.1	Dự án A	-
8.2	Dự án B	-
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
9.1	Dự án A	-
9.2	Dự án B	-
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-
10.1	Dự án A	-
10.2	Dự án B	-